

Bản án số : 22/2017/HSST
Ngày: 03-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TÁU TỈNH YÊN BÁI
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Huy Lộ;
2. Bà Lê Thị Huệ.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Hồ A Say - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa :
Ông Đỗ Thái Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2017/HSST ngày 13/7/2017, đối với các bị cáo:

1. Sùng A P, sinh năm 1987 tại xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn 12/12; con ông Sùng Dủ D, tên gọi khác là Sùng Rủ G và Sùng Giử G (đã chết) và bà Hồ Thị N, sinh năm 1948; vợ là Hồ Thị D, sinh năm 1988 và có 03 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị bắt từ ngày 31 tháng 3 năm 2017, đến ngày 28 tháng 4 năm 2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh “Có mặt”.

2. Sùng Sáu H, sinh năm 1977 tại xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn 02/12; con ông Sùng Vàng S (đã chết) và bà Thào Thị C (đã chết); vợ là Hồ Thị S, sinh năm 1979 và có 06 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị bắt từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 “Có mặt”.

3. Hồ A D, sinh năm 1977 tại xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; trú tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; con ông Hồ Vàng L (đã chết) và bà Sùng Thị L (đã chết); vợ là Sùng Thị M, sinh năm 1978 và có 04 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị bắt từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 “Có mặt”.

- Những người có quyền lợi liên quan:

+ Chị Hồ Thị D, sinh năm 1988; trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

+ Chị Sùng Thị M, sinh năm 1978; trú tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Nhận thấy:

Các bị cáo Sùng A P, Sùng Sáu H và Hờ A D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đêm ngày 30/3/2017, tại đỉnh Gió giáp ranh giữa xã L và xã B; Sùng A P đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông hai bao tải xác rắn chứa đầy thân cây, quả thuốc phiện và một bó thân cây, quả thuốc phiện được bó bằng túi nilon, với giá 1.800.000 đồng. Sau khi mua được thân cây, quả thuốc phiện P cùng Sùng Sáu H chở đi để bán cho bạn Hờ A D. Khi đi đến cầu X thuộc địa phận thôn N, xã L thì xe của H bị thùng xăm, H gọi điện cho D lên đón; khi D lên bảo P và H chở cây, quả thuốc phiện xuống nhà D cân, để bạn D mua 10 kg, số còn lại bạn D không mua thì tính sau. Cả ba nhất trí và thống nhất khi bán được quả, cây thuốc phiện số tiền gốc trả cho P, còn lãi chia đều cho cả ba người. Sau đó D chở H đi trước, P chở quả cây thuốc phiện đi sau; khi đi qua công UBND xã P thì D bảo H xuống đi xe cùng P, còn D đi trước để cảnh giới. Đến 05 giờ 15 phút, ngày 31/3/2017, khi D đi đến khu vực cua tay áo thuộc thôn S, xã P thì bị công an Trạm Tấu bắt giữ, ngay lúc đó P và H cùng đến nơi và bị Công an bắt quả tang cùng thân cây, quả thuốc phiện.

Ngày 31/3/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu đã tiến hành tách toàn bộ số quả thuốc phiện ra khỏi thân cây đã thu giữ và gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 81/GĐMT ngày 08/4/2017 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Số quả cây còn tươi, có màu xanh thu giữ của Sùng A P và Sùng Sáu H có trọng lượng là 2,2 (*hai phẩy hai*) kg là quả thuốc phiện tươi.

Bản cáo trạng số: 22/KSĐT-MT ngày 11/7/2017 của VKSND huyện Trạm Tấu đã truy tố Sùng A P, Sùng Sáu H và Hờ A D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Sùng A P, Sùng Sáu H và Hờ A D đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện; người có quyền lợi liên quan yêu cầu được nhận lại tài sản của mình đã bị Công an thu giữ.

Kiểm sát viên trình bày bản luận tội giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sùng A P, Sùng Sáu H và Hờ A D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Sùng A P từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Sùng Sáu H từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 03 (*ba*) tháng tù.

Bị cáo Hờ A D từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

- Áp dụng điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) vỏ phong bì, sau khi mở niêm phong.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LAND ROVER màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xám đen, đã cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu mobell, màu đỏ đen, đã cũ, đã qua sử dụng;

* Trả lại các tài sản sau:

+ Trả lại cho bị cáo P: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ điện thoại màu vàng, màn hình cảm ứng, đã cũ, đã qua sử dụng;

+ Trả cho Hờ Thị Dở: 01 (một) xe mô tô kiểu dáng xe WIN, nhãn hiệu DETECH, BKS 21V7 – 4687, màu sơn đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả cho Sùng Thị Mo: 01 (một) xe mô tô kiểu dáng xe WIN, nhãn hiệu FIGO, BKS 21G1 – 05361, màu sơn đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; lời nói sau cùng của các bị cáo: Biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Xét Thấy:

Tại phiên tòa các bị cáo Sùng A P, Sùng Sáu H và Hờ A D đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo thực hiện; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vào hồi 05 giờ 15 phút ngày 31/3/2017, tại khu vực cưa tay áo thuộc thôn S, xã P, huyện T; Công an huyện Trạm Tấu đã bắt quả tang Hờ A D đi trước cảnh giới còn Sùng A P chở Sùng Sáu H ngồi sau ôm hai bao tải thân cây, quả thuốc phiện tươi; sau khi tách quả thuốc phiện ra khỏi thân cây thì trọng lượng quả thuốc phiện tươi các bị cáo vận chuyển đi bán là 2,2 kg.

Các bị cáo P, H và D là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy (quả thuốc phiện tươi) là vi phạm pháp luật hình sự và biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích thu lời bất chính. 2,2 kg quả thuốc phiện tươi mà các bị cáo mua bán đã đủ về lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo P, H và D thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo P, H và D thực hiện đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo P, H và D đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo P khi còn sống ngày 05/8/1985 được Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, được xác định là người có công với cách mạng, nên bị cáo P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo P, H và D không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, xác định các bị cáo là người có nhân thân không xấu tại địa phương.

Các bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, vì vậy đây là trường hợp đồng phạm giản đơn; trong đó bị cáo P là người thực hành tích cực; bị cáo H và bị cáo D cùng thực hiện có vai trò tương đương nhau.

Về mức hình phạt: Bị cáo P có vai trò lớn hơn các bị cáo khác, tuy nhiên bị cáo P có hơn một tình tiết giảm nhẹ, nên về mức hình phạt các bị cáo là tương đương nhau.

Các bị cáo phạm tội lần đầu, số lượng quả thuốc phiện tươi không nhiều, có nhân thân tốt, có tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời cũng đủ đảm bảo răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Gia đình các bị cáo P, H và D đều thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã; các bị cáo phạm tội nhưng chưa thu được lợi nhuận, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với 2,2 kg quả thuốc phiện tươi, Cơ quan điều tra đã sử dụng vào việc giám định và tiêu hủy hết theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Đối với: 02 (hai) vỏ phong bì, sau khi mở niêm phong. đây là các vật không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng xe WIN, nhãn hiệu DETECH, BKS 21V7 – 4687, màu sơn đen, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Sùng A P và 01 (một) xe mô tô kiểu dáng xe WIN, nhãn hiệu FIGO, BKS 21G1 – 05361, màu sơn đen, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Hờ A D. Đây là tài sản chung có giá trị của vợ chồng các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng tài sản làm phương tiện phạm tội, vợ các bị cáo không biết, không có lỗi. Nên cần căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố Tụng hình sự để trả tài sản này cho gia đình các bị cáo, cụ thể là trả cho vợ của các bị cáo quản lý.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ điện thoại màu vàng, màn hình cảm ứng, đã cũ, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo P không liên quan đến việc phạm tội nên cần áp dụng mục 1 phần I Thông tư liên tịch số: 06/1998/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP ngày 24/10/1998 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp, để trả lại cho bị cáo P.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LAND ROVER màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xám đen, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu mobell, màu đỏ đen, đã cũ, đã qua sử dụng. Đây là các điện thoại mà các bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc với nhau để thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 700.000 đồng và 6.400.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ của Sùng A P và Sùng Sáu H, không liên quan đến tội phạm; Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình các bị cáo. Việc trả lại là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo lời khai của bị cáo Sùng A P đã mua thân cây, quả thuốc phiện của người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, nên không có cơ sở xác minh, điều tra, xử lý.

Đối với những người đàn ông gọi điện cho Hờ A D và Sùng Sáu H để trao đổi việc mua bán ma túy nhưng các bị cáo đều không biết tên, tuổi và địa chỉ ở đâu, do đó không có cơ sở để xử lý.

- Về án phí các bị cáo P, H và D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Quyết Định:

- Tuyên bố bị cáo Sùng A P, Sùng Sáu H và Hờ A D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Sùng A P 02 (*hai*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc bị bắt đi thi hành án, được khấu trừ đi 29 ngày bị tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Sùng Sáu H 02 (*hai*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 31/3/2017.

Bị cáo Hờ A D 02 (*hai*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 31/3/2017.

- Việc xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; mục 1 phần I Thông tư liên tịch số: 06/1998/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP ngày 24/10/1998 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

* Tịch thu tiêu hủy:

02 (*hai*) vỏ phong bì, sau khi mở niêm phong.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu LAND ROVER màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xám đen, đã cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu mobell, màu đỏ đen, đã cũ, đã qua sử dụng

* Trả lại các tài sản sau:

+ Trả lại cho bị cáo Sùng A P: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ điện thoại màu vàng, màn hình cảm ứng, đã cũ, đã qua sử dụng;

+ Trả cho chị Hờ Thị D: 01 (*một*) xe mô tô kiểu dáng xe WIN, nhãn hiệu DETECH, BKS 21V7 – 4687, màu sơn đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả cho chị Sùng Thị M: 01 (*một*) xe mô tô kiểu dáng xe WIN, nhãn hiệu FIGO, BKS 21G1 – 05361, màu sơn đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo P, H và D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: áp dụng Điều 231 của Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo P, H và D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu (2);
- Công an huyện Trạm Tấu (3b);
- THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã P, L (TB);
- Bị cáo (3);
- Trại tạm giam (2);
- Chi cục thuế Trạm Tấu;
- THA hình sự (3);
- Sở tư pháp;
- Lưu HS (2).

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Vũ Xuân

